

1. MÔN TOÁN 7 – TUẦN 8

CHƯƠNG II : HÀM SỐ VÀ ĐỒ THỊ

§1. ĐẠI LƯỢNG TỈ LỆ THUẬN

1. Định nghĩa:

[?1]

a) $S = 15 \cdot t$

b) $m = D \cdot V$

$m = 7800 \cdot V$

* **Nhận xét:** (sgk/52)

* **Định nghĩa:**

Nếu đại lượng y liên hệ với đại lượng x theo công thức $y = k \cdot x$ (k là hằng số khác 0) thì ta nói y tỉ lệ thuận với x theo hệ số tỉ lệ k.

[?2] $y = \frac{-3}{5} \cdot x$ (vì y tỉ lệ thuận với x)

$\Rightarrow x = -\frac{5}{3}y$

Vậy x tỉ lệ thuận với y theo hệ số tỉ lệ $a = -\frac{5}{3}$

* **Chú ý :** (sgk/52)

2. Tính chất :

[?4]

a) Vì y và x là hai đại lượng tỉ lệ thuận $\Rightarrow y_1 = kx_1$ hay $6 = k \cdot 3 \Rightarrow k = 2$
 Vậy hệ số tỉ lệ là 2

b) $y_2 = kx_2 = 2 \cdot 4 = 8$

$y_3 = 2 \cdot 5 = 10$

$y_4 = 2 \cdot 6 = 12$

c) $\frac{y_1}{x_1} = \frac{y_2}{x_2} = \frac{y_3}{x_3} = \frac{y_4}{x_4} = 2$

$\frac{x_1}{x_2} = \frac{3}{4} ; \frac{y_1}{y_2} = \frac{6}{8} = \frac{3}{4}$

$\Rightarrow \frac{x_1}{x_2} = \frac{y_1}{y_2}$ hoặc $\frac{x_1}{x_4} = \frac{y_1}{y_4} \left(\frac{3}{6} = \frac{6}{12} = \frac{1}{2} \right)$

Tính chất :

Nếu hai đại lượng tỉ lệ thuận với nhau thì :

- Tỉ số hai giá trị tương ứng của chúng luôn không đổi.

- Tỉ số hai giá trị bất kì của đại lượng này bằng tỉ số hai giá trị tương ứng của đại lượng kia.

*** BÀI TẬP.**

Bài tập 1:

a) x và y tỉ lệ thuận nên $y = kx$ thay $x = 6 ; y = 4$ vào công thức

ta được : $4 = k \cdot 6 \Rightarrow k = \frac{4}{6} = \frac{2}{3}$

b) $y = \frac{2}{3}x$

c) $x = 9 \Rightarrow y = \frac{2}{3} \cdot 9 = 6$

$x = 15 \Rightarrow y = \frac{2}{3} \cdot 15 = 10$

Bài 2: (tr 54 sgk)

Ta có : $x_4 = 2$; $y_4 = -4$

Vì x và y là hai đại lượng tỉ lệ thuận nên $y_4 = k \cdot x_4 \Rightarrow k = y_4 : x_4 = -4 : 2 = -2$
 $\Rightarrow y = -2k$

x	-3	-1	1	2	5
y	6	2	-2	-4	-10

Bài 3:

V	1	2	3	4	5
m	7,8	15,6	23,4	31,2	39
$\frac{m}{V}$	7,8	7,8	7,8	7,8	7,8

b) m và V là hai đại lượng tỉ lệ thuận vì $\frac{m}{V} = 7,8 \Rightarrow m = 7,8 \cdot V$

m tỉ lệ thuận với V theo hệ số tỉ lệ là 7,8

nhưng V tỉ lệ thuận với m theo hệ số tỉ lệ là $\frac{1}{7,8} = \frac{10}{78}$

* *Hướng dẫn về nhà*

- Làm bài tập 4

- Chuẩn bị bài mới « Một số bài toán về đại lượng tỉ lệ thuận »

Tiết 16 : §2 . MỘT SỐ BÀI TOÁN VỀ ĐẠI LƯỢNG TỈ LỆ THUẬN

1. Bài toán 1. (Đề sgk/54)

* **Giải:**

Gọi khối lượng của hai thanh chì lần lượt là m_1 (g) và m_2 (g)

Do khối lượng và thể tích của vật là hai đại lượng tỉ lệ thuận nên ta có:

$$\frac{m_1}{12} = \frac{m_2}{17} \text{ và } m_2 - m_1 = 56,5 \text{ (g)}$$

Theo tính chất dãy tỉ số bằng nhau

$$\text{ta có : } \frac{m_1}{12} = \frac{m_2}{17} = \frac{m_2 - m_1}{17 - 12} = \frac{56,5}{5} = 11,3$$

$$\frac{m_1}{12} = 11,3 \Rightarrow m_1 = 12 \cdot 11,3 = 135,6$$

$$\frac{m_2}{17} = 11,3 \Rightarrow m_2 = 17 \cdot 11,3 = 192,1$$

Vậy : Hai thanh chì có khối lượng : 135,6g và 192,1g

Ví dụ :

[?]1

Gọi khối lượng của mỗi thanh kim loại tương ứng là m_1 (g) và m_2 (g)

Do khối lượng và thể tích của hai thanh kim loại là hai đại lượng tỉ lệ thuận

$$\text{Ta có } \frac{m_1}{10} = \frac{m_2}{15} = \frac{m_1 + m_2}{10 + 15} = \frac{222,5}{25} = 8,9$$

$$\frac{m_1}{10} = 8,9 \Rightarrow m_1 = 8,9 \cdot 10 = 89 \text{ (g)}$$

$$\frac{m_2}{15} = 8,9 \Rightarrow m_2 = 8,9 \cdot 15 = 133,5 \text{ (g)}$$

Vậy 2 thanh nặng : 89g và 133,5g

* **Chú ý:** (sgk/55)

2. Bài toán 2: (Đề sgk/55)

* **Giải:**

Gọi a, b, c là số đo ba góc của tam giác ABC

Theo đề ta có: $\frac{a}{1} = \frac{b}{2} = \frac{c}{3}$ và $a + b + c = 180^\circ$

Áp dụng tính chất dãy tỉ số bằng nhau ta có:

$$\frac{a}{1} = \frac{b}{2} = \frac{c}{3} = \frac{a+b+c}{1+2+3} = \frac{180^\circ}{6} = 30^\circ$$

$$\frac{a}{1} = 30 \Rightarrow a = 30 \cdot 1 = 30$$

$$\frac{b}{2} = 30 \Rightarrow b = 30 \cdot 2 = 60$$

$$\frac{c}{3} = 30 \Rightarrow c = 30 \cdot 3 = 90$$

$$\text{Vậy } \hat{A} = 30^\circ ; \hat{B} = 60^\circ ; \hat{C} = 90^\circ$$

Bài tập :

Bài 6 / 55 sgk :

Vì khối lượng của cuộn dây thép tỉ lệ thuận với chiều dài nên

a) $y = kx \Rightarrow y = 25 \cdot x$ (Vì mỗi mét dây nặng 25 gam)

b) Vì $y = 25x$ nên khi $y = 4,5\text{kg} = 4500\text{g}$ thì $x = 4500 : 25 = 180$

Vậy cuộn dây dài 180 m

* **Cách khác :**

a) 1(m) dây thép nặng 25(g) ; x (m) dây thép nặng y (g)

Vì khối lượng của cuộn dây thép tỉ lệ thuận với chiều dài nên ta có : $\frac{1}{x} = \frac{25}{y} \Rightarrow y =$

25x

b) 1 (m) dây thép nặng 25(g) ; x (m) dây thép nặng 4500 (g)

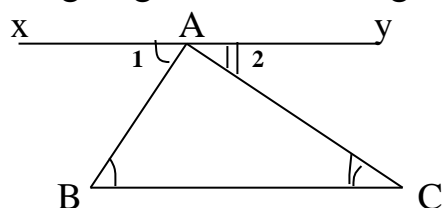
$$\frac{1}{x} = \frac{25}{4500} \Rightarrow x = \frac{4500}{25} = 180 \text{ (m)}$$

Tiết 16 : §1. TỔNG BA GÓC CỦA TAM GIÁC

1. Tổng ba góc của một tam giác.

* **Định lí:**

Tổng ba góc của một tam giác bằng 180°



GT	ΔABC
KL	$\hat{A} + \hat{B} + \hat{C} = 180^\circ$

Chứng minh :

Qua A kẻ đường thẳng xy song song với BC

$xy // BC \Rightarrow \hat{B} = \hat{A}_1$ (so le trong) (1)

$$\Rightarrow \hat{C} = \hat{A}_2 \text{ (so le trong) (2)}$$

Từ (1) và (2) suy ra :

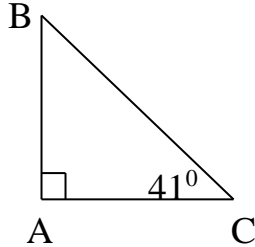
$$\hat{B}\hat{A}\hat{C} + \hat{B} + \hat{C} = \hat{B}\hat{A}\hat{C} + \hat{A}_1 + \hat{A}_2 = 180^\circ$$

Lưu ý : (sgk tr 106)

2- Áp dụng vào tam giác vuông :

*** Định nghĩa :**

Tam giác vuông là tam giác có một góc vuông



Tam giác ABC vuông tại A, AB, AC là các cạnh góc vuông, BC gọi là cạnh huyền

Định lí: Trong một tam giác vuông, hai góc nhọn phụ nhau

$$\Delta ABC, \hat{A} = 90^\circ \Rightarrow \hat{B} + \hat{C} = 90^\circ$$

*** BÀI TẬP**

* Bài 1 :

H.47 $\hat{A} + \hat{B} + \hat{C} = 180^\circ$ (định lí)

$$90^\circ + 55^\circ + x = 180^\circ$$

$$x = 180^\circ - (90^\circ + 55^\circ) = 35^\circ$$

H. 48 $\hat{G} + \hat{H} + \hat{I} = 180^\circ$

$$30^\circ + x + 40^\circ = 180^\circ$$

$$x = 180^\circ - (30^\circ + 40^\circ)$$

$$x = 110^\circ$$

H.49 $\hat{M} + \hat{N} + \hat{P} = 180^\circ$

$$x + 50^\circ + x = 180^\circ$$

$$2x + 50^\circ = 180^\circ$$

$$2x = 130^\circ$$

$$x = 130^\circ : 2$$

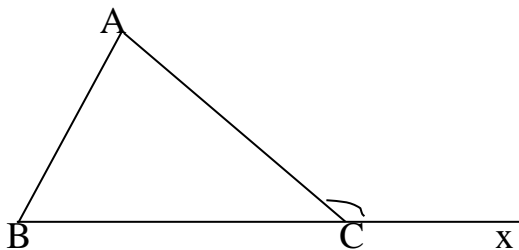
$$x = 65^\circ$$

§1. TỔNG BA GÓC CỦA TAM GIÁC (TT)

3. Góc ngoài của tam giác:

*** Định nghĩa :**

Góc ngoài của tam giác là góc kề bù với một góc của tam giác



$\hat{A}C\hat{x}$ là góc ngoài tại đỉnh C của tam giác ABC

*** Định lí về góc ngoài của tam giác :**

Mỗi góc ngoài của một tam giác bằng tổng hai góc trong không kề với nó.

* Nhận xét : Góc ngoài của tam giác lớn hơn mỗi góc trong không kề với nó

$$A\hat{C}x > \hat{A} \quad ; \quad A\hat{C}x > \hat{B}$$

* **Bài tập :**

* **Bài 3 :** H52

a) $B\hat{I}K > B\hat{A}K$ (góc ngoài của tam giác BIA) (1)

b) $C\hat{I}K > C\hat{A}K$ (góc ngoài của tam giác CIA) (2)

Từ (1) và (2) suy ra $B\hat{I}C > B\hat{A}C$

- Làm bài tập 6,7,8,9 / 109

- Chuẩn bị bài mới « Luyện tập »

2. MÔN NGỮ VĂN 7 – TUẦN 8

Tiết 29-30. QUA ĐÈO NGANG

(Bà Huyện Thanh Quan)

I. Đọc, tìm hiểu chung.

1. Tác giả, tác phẩm

- Tên thật là Nguyễn Thị Hinh (TK 19).

- Bút danh là Bà huyện Thanh Quan.

- là người học rộng tài cao, nữ sĩ tài danh hiếm có.

- Đặc điểm thơ: tâm sự hoài cổ.

* Bài thơ được sáng tác trên đường vào kinh đô Huế nhận chức.

- Viết bằng chữ Nôm

* PTBĐ: Biểu cảm.

* Thể thơ: thất ngôn bát cú Đường luật.

* Bố cục: 4 phần

II. Đọc, hiểu văn bản

1. Hai câu đề

- Không gian: Đèo Ngang

- mênh mông, rộng lớn.

- Thời gian: chiều tà

- gợi nỗi buồn, nhớ.
- Gợi buồn, gợi nhớ, gợi sự cô đơn.

- Cỏ cây **chen** đá, lá **chen** hoa.

- Cảnh vật : Cỏ, cây, đá, lá, hoa.

+ Phép liệt kê.

+ Điệp từ: “ chen”

+ Cách gieo vần độc đáo, điệp âm.

+ Phép tiểu đối.

=> Gợi sự rậm rạp, hoang sơ, vắng vẻ.

2. Hai câu thực

Lom khom dưới núi, tiều vài chú

Lác đác bên sông, chợ mấy nhà.

- Từ láy gợi tả.

- Đối thanh, đối từ loại và đối cấu trúc câu, tạo nhịp điệu cân đối cho câu thơ.

- Đảo ngữ, đảo trật tự ngữ pháp

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 7 - TUẦN 8

=> Nhấn mạnh thêm cái ấn tượng về hình dáng vất vả của người tiêu phu và sự thừa thớt, hiu quạnh của lều chợ.

- Sự sống của con người đã xuất hiện nhưng còn thừa thớt, vắng vẻ.

3. Hai câu luận

Nhớ nước đau lòng, con quốc quốc

Thương nhà mỗi miệng, cái gia gia

- Tiếng chim kêu: vừa là yếu tố nghệ thuật vừa là hình ảnh ẩn dụ tượng trưng để bộc lộ chiều sâu tình cảm.

->Gợi nỗi buồn khổ, khắc khoải, triền miên không dứt.

- Nghệ thuật:

+ Phép chơi chữ.

+ Phép đối (thanh, từ loại, nghĩa)

=> Bộc lộ rõ trạng thái cảm xúc hoài cổ, nhớ nước và thương nhà da diết.

3. Hai câu kết

Dừng chân đứng lại, trời, non, nước

Một mảnh tình riêng, ta với ta.

->Gợi không gian bao la rộng lớn >< Con người nhỏ bé, yếu đuối, cô đơn.

=> Hình ảnh đối lập làm nổi rõ tâm trạng buồn, lẻ loi, cô đơn, không có người sẻ chia.

=> Diễn tả sự cô đơn tuyệt đối của con người trước thiên nhiên hoang vắng, rộng lớn.

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật

- Sử dụng thể thơ Đường luật thất ngôn bát cú một cách điêu luyện.

- Sáng tạo trong việc sử dụng từ láy, từ đồng âm khác nghĩa gợi hình, gợi cảm.

- Sử dụng nghệ thuật đối hiệu quả trong việc tả cảnh, tả tình.

2. Nội dung, ý nghĩa

* Nội dung

- Bức tranh cảnh vật bao la rộng lớn nhưng tiêu điều, hoang sơ.

- Tâm trạng con người cô đơn, hoài cổ, nhớ nước, thương nhà.

* Ý nghĩa

- Bài thơ thể hiện tâm trạng cô đơn thâm lặng, nỗi niềm hoài cổ của nhà thơ trước cảnh vật Đèo Ngang.

* Ghi nhớ (SGK – 104)

Tiết: 31-32. BẠN ĐẾN CHƠI NHÀ

(Nguyễn Khuyến)

I. Đọc, tìm hiểu chung.

1. Tác giả, tác phẩm.

- Nguyễn Khuyến (1835-1909)

- Nhà thơ trữ tình và trào phúng lớn.

- Nhà thơ của làng cảnh Việt Nam.

- Viết bằng chữ Nôm.

- Bài thơ viết về tình bạn hay và độc đáo nhất.

2. Đọc, chú thích.

II. Đọc, hiểu văn bản

1. Câu 1

- Đã bấy lâu nay: Khoảng thời gian dài → bày tỏ sự chờ đợi bạn đến chơi.

- Bác: cách xưng hô vừa trân trọng vừa thân mật.

⇒ Câu thơ thay cho lời chào, bộc lộ sự hồ hởi, vui mừng khi bạn hiền đến chơi.

2. Sáu câu tiếp theo

- Có tất cả mà cũng chẳng có gì để đãi bạn.
- + Trẻ đi vắng
- + Chợ xa
- + Ao sâu - khôn chài cá.
- + Vườn rộng- khó đuổi gà
- + Cải chữa ra cây
- + Cà mới nụ
- + Bầu vừa rụng rốn
- + Mướp đương hoa...
- => Tình huống khó xử khi bạn đến chơi nhà.
- Nghệ thuật : Nói quá.
- Cảnh sống thanh bạch giản dị.
- Tình cảm chân tình không khách sáo, sự hóm hỉnh đùa vui, yêu đời.
- Ngôn ngữ tự nhiên tinh tế, dân dã, bình dị..

3. Câu thơ cuối

- + Ta với ta → là nhà thơ và người bạn.
- => Khẳng định tình bạn cao đẹp, gắn bó không cần đến vật chất cao sang mà cốt ở tấm lòng, sự tri kỉ, đồng cảm thiết tha.
- ⇒ Tình bạn cao đẹp giúp con người vượt lên trên mọi lễ thói, lễ nghi thông thường và cả vật chất.
- Cách lập ý bất ngờ => thể hiện cái nhìn thông thái, niềm vui của tác giả khi đón bạn vào nhà.

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật

- Cách tạo tình huống khéo léo, lập ý bất ngờ.
- Vận dụng ngôn ngữ, thể loại điêu luyện.

2. Nội dung – ý nghĩa

*** Nội dung**

Tình bạn đậm đà, thắm thiết của tác giả.

*** Ý nghĩa văn bản**

Thể hiện 1 quan niệm về tình bạn, quan niệm đó vẫn còn có ý nghĩa, giá trị lớn trong cuộc sống của con người hôm nay.

Ghi nhớ (SGK - 105)

3. MÔN ANH 7 – TUẦN 8

NGŨ PHÁP TIẾNG ANH LỚP 7 TUẦN 8

1. THE PAST SIMPLE (Thì quá khứ đơn)

a) Dạng quá khứ đơn của động từ “to be” được chia như sau:

“to be” có nghĩa là: thì, là, ở

Thể	Chủ ngữ	To be	Ví dụ
Khẳng định	I/ He/ She/ It/ danh từ số ít	was	I was at school last week. He was at school last week.
	You/ We/ They/ danh từ số nhiều	were	They were at school last week. We were at school last week.

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 7 - TUẦN 8

Phủ định	I/ He/ She/ It/ danh từ số ít	was not (wasn't)	I wasn't at school last week. He wasn't at school last week.
	You/ We/ They/ danh từ số nhiều	were not (weren't)	They weren't at school last week. We weren't at school last week.
Thể	To be	Chủ ngữ	Ví dụ
Nghị Vấn	Was	I/ he/ she/ it/ danh từ số ít...?	Was I at school last week? Was he at school last week?
	Were	you/ we/ they/ danh từ số nhiều...?	Were they at school last week? Were we at school last week?

b) Dạng quá khứ đơn của động từ thường được chia như sau:

Thể	Chủ ngữ	Động từ (V)	Ví dụ
Khẳng định	He/ She/ It/ danh từ số ít	V + ed/ (P2)	She watched TV last night. He went to the zoo yesterday.
	I/ You/ We/ They/ danh từ số nhiều	V + ed/ (P2)	I watched TV last night. They went to the zoo yesterday.
Phủ định	He/ She/ It/ danh từ số ít	did not (didn't) + v (nguyên thể)	She didn't watch TV last night. He didn't go to the zoo yesterday.

Thể	Chủ ngữ	Động từ (V)	Ví dụ
Nghị Vấn	I/ You/ We/ They/ danh từ số nhiều	did not (didn't) + v (nguyên thể)	I didn't watch TV last night. They didn't go to the zoo yesterday.
	Did + he/ she/ it/ danh từ số ít...	V (nguyên thể)...?	Did she watch TV last night? Did he go to the zoo yesterday?
	Did + I/ you/ we/ they/ danh từ số nhiều...	V (nguyên thể)...?	Did I watch TV last night? Did they go to the zoo yesterday?

Lưu ý:

- Past 2 (P2): Động từ quá khứ đơn nằm ở cột 2 trong bảng động từ bất quy tắc.
- Ở thể phủ định và nghi vấn, chúng ta mượn trợ động từ did chia cho tất cả các chủ ngữ (số ít hay số nhiều). Động từ còn lại trong câu phải ở dạng động từ nguyên thể.

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 7 - TUẦN 8

- Trong thì quá khứ đơn, chủ ngữ dù ở dạng số nhiều hay số ít thì động từ đều được chia như nhau. Ở dạng khẳng định động từ được chia như sau:

1. Đối với những động từ có quy tắc sẽ thêm ed vào sau động từ đó (Các em nên tham khảo quy tắc thêm ed vào sau động từ):

Ex; play (chơi) → played (đã chơi)

watch (xem) → watched (đã xem)

dance (nhảy, múa) → danced (đã nhảy, múa)

2. Đối với những động từ bất quy tắc, thay đổi không theo quy tắc nào, thì ta dùng động từ ở cột thứ 2 (P2) trong bảng động từ bất quy tắc. Các em cần phải học thuộc hoặc tra bảng động từ bất quy tắc.

Ex:

Động từ nguyên thể	Quá khứ (P2)	Nghĩa
do	did	làm
go	went	đi
sing	sang	hát
have	had	có
take	took	đưa, lấy
Động từ nguyên thể	Quá khứ (P2)	Nghĩa
come	came	đến
get	got	được, trở nên, lấy
give	gave	tặng, cho
...	...	

1) Cấu trúc:

a) Thể khẳng định (Affirmative form)

I/ You/ We/ They + have + p.p He/ She/ It + has + p.p

Viết tắt: I've/ You've/ We've/ They've; He's/ She's/ It's

Ex: I have seen this film four times. Tôi đã xem phim này bốn lần rồi.

He has worked in a bank for three years. (Anh ta đã làm việc ở ngân hàng ba năm rồi.)

b) Thể phủ định (Negative form)

S + haven't/ hasn't + p.p

haven't/ hasn't là viết tắt của have not/ has not

Ex: I haven't seen this movie before. Trước đây tôi chưa xem phim này.

c) Thể nghi vấn (Interrogative form)

Have/ Has + s + p.p?

Để trả lời câu hỏi theo cấu trúc trên, ta dùng Cấu trúc sau:

Yes, s + have/ has

No, s + haven't/ hasn't.

Ex: Have you seen this movie before? Trước đây bạn đã xem phim này chưa?

Yes, I have. Vâng, tôi đã xem rồi.

No, I haven't. Chưa, tôi vẫn chưa xem.

□ Câu hỏi Wh- dùng trong thì hiện tại hoàn thành

Wh- have/ has + s + p.p?

Ex: What have you done? Bạn đã làm xong những gì?

Nếu chủ từ trong câu là who/ what thì trật tự từ cũng giống như câu khẳng định.

Ex: Who has finished reading the book? Ai đã đọc xong quyển sách rồi?

□ How long ...? Bao lâu?

- Chúng ta cần chú ý cấu trúc sau:

How long ...? Bao lâu? ... since/ for ...

Để trả lời cho câu hỏi này, ta thường dùng thì hiện tại hoàn thành.

Ex: How long have you studied English?

Bạn đã học tiếng Anh được bao lâu rồi?

I have studied English for three years.

Tôi đã học tiếng Anh được ba năm.

Lưu ý: Cách chia động từ ở quá khứ phân từ (P.P)

a) Động từ có quy tắc (regular verbs): thêm -ed vào sau động từ nguyên mẫu (xem quy tắc thêm -ed ở thì quá khứ đơn).

b) Động từ bất quy tắc (irregular verbs): động từ ở cột 3 trong bảng động từ bất quy tắc (v3). Các em cần phải học thuộc một số động từ thường xuyên dùng.

2) Cách dùng:

a) Hành động hoặc quá trình vừa mới xảy ra.

Ex: I have read a new report.

Tôi vừa đọc bài báo mới.

They've just arrived.

Họ vừa mới đến.

I have just come back from Japan.

Tôi vừa mới trở về từ Nhật.

b) Hành động đã xảy ra trong quá khứ khi chúng ta không biết rõ hoặc không muốn đề cập đến thời gian chính xác mà hành động đã xảy ra.

Ex: I have gone to school by bike. Tôi đã đi học bằng xe đạp.

It has rained every day. (Ngày nào trời cũng mưa.)

- Nếu muốn đề cập đến thời gian của hành động, ta phải dùng thì quá khứ đơn.

Ex: I went to school by bike last week. (Tôi đã đi học bằng xe đạp vào tuần trước.)

It rained every day last month. (Ngày nào trời cũng mưa vào tháng trước.)

c) Hành động xảy ra nhiều lần trong quá khứ và hành động này có thể còn được lặp lại trong hiện tại hoặc tương lai

Ex: We have sometimes seen each other in the campus.

Chúng tôi thỉnh thoảng gặp nhau trong khuôn viên trường.

(chúng tôi học cùng trường)

— Nếu không có liên quan đến hiện tại (sự việc đã xảy ra quá lâu hoặc hành động đã xảy ra nhiều lần trong quá khứ nhưng không còn có thể lặp lại) ta phải dùng thì quá khứ đơn.

Ex: Thai Luan invented paper.

Thái Luân phát minh ra giấy. (Thái Luân - người Trung Quốc, thời Đông Hán)

Who opened the window? Ai đã mở cửa sổ? (bây giờ đã đóng)

d) Hành động hoặc quá trình xảy ra trong quá khứ nhưng kết quả của nó vẫn còn trong hiện tại

Ex: Have you had breakfast? Bạn ăn sáng chưa?

No, I haven't had it yet.

Chưa, tôi vẫn chưa ăn. (đến giờ vẫn chưa ăn)

He has already opened the door.

Anh ấy đã mở cửa. (bây giờ cửa đang mở)

— Nếu không còn kết quả ở hiện tại, ta dùng thì quá khứ đơn.

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 7 - TUẦN 8

Ex: I posted the letter. Tôi đã gửi thư đi. (thư không còn ở đây)

He opened the door. Anh ấy đã mở cửa. (bây giờ cửa đã đóng)

e) Hành động bắt đầu ở quá khứ, kéo dài đến hiện tại và có khả năng tiếp tục ở tương lai. Cách dùng này có thể kết hợp với các phó từ until now, up to now, so far, these few day, all day, và các giới từ for, since.

Ex: I have been here for three years.

Tôi đã ở đây khoảng 3 năm. (đến nay vẫn còn ở đây)

She has worked in this company since her graduation.

Cô ấy làm việc ở công ty này từ khi cô ấy tốt nghiệp. (sau khi tốt nghiệp đến nay, hiện nay vẫn làm ở đó)

She has waited here for you all day. (Cô ấy đã đợi bạn ở đây cả ngày.)

— Nếu hành động xảy ra trong khoảng thời gian và đã chấm dứt trong quá khứ, ta phải dùng thì quá khứ đơn. Với hành động này thường đi với động từ diễn tả hành động ngắn, như: leave, go, come, arrive, begin, buy, grow, die, join, become... Ex: **i**) Thì hiện tại hoàn thành thường được dùng để thông báo tin mới hoặc loan báo một sự việc vừa mới xảy ra.

Lưu Ý: Các từ hoặc cụm từ thường được dùng với thì hiện tại hoàn thành: just, recently, lately (gần đây, vừa mới), before (trước đây), already (rồi), ever (đã từng), never (không bao giờ, chưa bao giờ), for (trong khoảng), hoặc dùng for trước danh từ chỉ quãng thời gian: for six days (khoảng 6 ngày), for a year (khoảng 1 năm), for a long time (khoảng một thời gian dài),...

- Đối với since.

since + a point of time (since đi với một điểm thời gian)

Ex: She has lived in Ho Chi Minh City since 1996.

Cô ấy đã sống ở Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 1996.

since + s + V

s + have/ has + v3 + since + s + v2

Ex: She has lived in Ho Chi Minh City since she was 18. (Cô ấy sống ở Thành phố Hồ Chí Minh từ khi lên 18.)

- Đối với for:

Lưu ý:

for + period of time trong quá khứ đơn.

Ex: Last year, I went on holiday in Da Lat. I stayed there for one week.

4. MÔN VẬT LÝ 7 – TUẦN 8

Tiết 8: GƯƠNG CẦU LỒM

I. Ảnh tạo bởi gương cầu lõm:

1. Thí nghiệm:

2. Kết luận:

Ảnh của một vật tạo bởi gương cầu lõm:

- Là ảnh ảo không hứng được trên màn chắn.
- Ảnh lớn hơn vật.

II. Sự phản xạ ánh sáng trên gương cầu lõm.

1. Đối với chùm tia tới song song.

a) Thí nghiệm.

b) Kết luận.

Chiếu một chùm tia tới song song lên 1 gương cầu lõm ta thu được một chùm tia phản xạ hội tụ tại một điểm trước gương.

2. Đối với chùm tia tới phân kì.

a) Thí nghiệm.

b) Kết luận.

Một chùm sáng nhỏ S đặt trước gương cầu lõm ở 1 vị trí thích hợp, có thể cho một chùm tia phản xạ song song.

III. Vận dụng:

Ghi nhớ/SGK.

C6: Nhờ có gương cầu lõm trong pha đèn pin khi bóng đèn pin ở vị trí tạo chùm tia tới phân kỳ cho chùm tia phản xạ song song tập trung ánh sáng đi xa.

C7. Bóng đèn ra xa tạo chùm tia tới // chùm tia phản xạ tập trung tại một điểm.

BTVN: bài 8.1 -> 8.7/SBT

5. MÔN SINH HỌC 7 – TUẦN 8

Bài 17: MỘT SỐ GIUN ĐỐT KHÁC VÀ ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA NGÀNH GIUN ĐỐT

Giun đốt có khoảng trên 9000 loài, sống ở nước ngọt, nước mặn, trong bùn, trong đất.

Một số giun đốt sống ở cạn và kí sinh.

I/Một số giun đốt thường gặp:

1- Giun đỏ:

- Giun đỏ thường sống thành búi ở cống rãnh. Đầu cắm xuống bùn. Thân phân đốt, luôn uốn sóng để hô hấp, chúng thường được khai thác để nuôi cá cảnh.

- Thí dụ: H.17.1 (SGK)

2- Đũa:

- Đũa sống kí sinh ngoài. Có giác bám và nhiều ruột tịt để hút và chứa máu hút từ vật chủ. Đũa bơi kiểu lượn sóng.

- Thí dụ: H.17.2 (SGK)

3- Rươi :

- Rươi sống ở môi trường nước lợ. Cơ thể phân đốt và chi bên có tơ phát triển. Đầu có mắt, khứu giác và xúc giác. Rươi là thức ăn của cá và người.

- Thí dụ: H.17.3 (SGK)

II/ Đặc điểm chung: (xem SGK)

ÔN TẬP

- Động vật là cơ thể dị dưỡng, có hệ thần kinh và các giác quan, có khả năng di chuyển.

- Trải qua vài tỉ năm tiến hóa, giới động vật có khoảng 1,5 triệu loài, và được chia ra làm 20 ngành.

I/ Ngành động vật nguyên sinh:

- Ngành động vật nguyên sinh là nhóm động vật có cơ thể đơn bào: mỗi tế bào có khả năng đảm nhận mọi chức năng của một cơ thể sống, chúng di chuyển bằng chân giả, roi bơi, lông bơi hoặc tiêu giảm. Sinh sản vô tính theo kiểu phân đôi. Có vai trò là thức ăn cho những động vật lớn hơn. Một số không nhỏ gây bệnh nguy hiểm cho người và động vật.

- Đại diện: Trùng roi, trùng biến hình, trùng giày, trùng kiết lị, trùng sốt rét.

II/ Ngành ruột khoang:

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 7 - TUẦN 8

- Ngành ruột khoang là nhóm động vật đa bào, cơ thể đối xứng tỏa tròn, ruột dạng túi (chưa có hậu môn), thành cơ thể gồm 2 lớp tế bào, đều có tế bào gai để tự vệ và tấn công. Có vai trò to lớn về mặt sinh thái.
- Đại diện: Thủy tức, Sứa, Hải quỳ, San hô.

III/ Ngành giun dẹp:

- Ngành giun dẹp là nhóm động vật đa bào, cơ thể dẹp, đối xứng 2 bên, ruột đã phân nhánh nhưng chưa có ruột sau và hậu môn. Số lớn giun dẹp kí sinh còn có thêm: giác bám, cơ quan sinh sản phát triển.
- Đại diện: Sán lá gan, sán lá máu, sán bã trầu, sán dây.

IV/ Ngành giun tròn:

- Ngành giun tròn là nhóm động vật đa bào, có cơ thể hình trụ, khoan cơ thể chưa chính thức, cơ quan tiêu hóa bắt đầu từ miệng và kết thúc ở hậu môn. Phần lớn giun tròn kí sinh.
- Đại diện: Giun đũa, giun kim, giun móc câu, giun rễ lúa.

IV/ Ngành giun đốt:

- Ngành giun đốt là nhóm động vật đa bào, có cơ thể hình trụ; có thể xoang; ống tiêu hóa phân hóa; bắt đầu có hệ tuần hoàn; di chuyển bằng chi bên, tơ hay hệ cơ của cơ thể; hô hấp qua da hay mang. Giun đốt có vai trò to lớn trong hệ sinh thái và đời sống con người.
- Đại diện: Giun đất, đĩa, rươi, giun đỏ.

6. MÔN LỊCH SỬ 7 – TUẦN 8

BÀI 11: CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN XÂM LƯỢC TỐNG **(1075-1077) (T 2)**

1/. Kháng chiến bùng nổ

a. Nhà Lý chuẩn bị

- Nhà Lý ra lệnh cho các địa phương ráo riết chuẩn bị đề phòng.
- Chọn phòng tuyến sông Như Nguyệt làm nơi đối phó với quân Tống.

b. Diễn biến

- Cuối năm 1076, nhà Tống cử một đạo quân lớn theo 2 đường thủy, bộ tiến hành xâm lược nước ta
- Tháng 1-1077, 10 vạn quân bộ do Quách Quỳ, Triệu Tiết chỉ huy vượt biên giới qua Lạng Sơn tiến xuống. Quân đội nhà Lý đánh nhiều trận nhỏ để cản bước tiến của giặc.
- Lý Kế Nguyên đã mai phục và đánh 10 trận liên tiếp ngăn bước tiến đạo quân thủy của giặc

c. Kết quả:

Quân Tống đóng quân ở bờ bắc sông Như Nguyệt không lọt vào sâu được

2/ Cuộc chiến đấu trên phòng tuyến Như Nguyệt

a. Diễn biến

- Quách Quỳ cho quân vượt sông đánh phòng tuyến của ta nhưng bị quân ta phản công quyết liệt làm chúng không tiến vào được.
- Quân Tống chán nản, chết dần chết mòn.
- Cuối xuân 1077 Lý Thường Kiệt cho quân vượt sông bắt ngờ đánh vào đồn giặc.

b. Kết quả:

- Quân giặc “mười phần chết đến năm sáu phần”.

- Quách Quyền chấp nhận giảng hòa và rút quân về nước.

c. Ý nghĩa:

- Là trận đánh tuyệt vời trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc.
- Củng cố nền độc lập tự chủ của dân tộc.
- Đập tan mộng xâm lược Đại Việt của nhà Tống.

LÀM BÀI TẬP LỊCH SỬ

Bài tập 1: Chọn đáp án đúng nhất.

1. Xã hội phong kiến châu Âu được hình thành vào

A. thế kỉ III TCN	B. thế kỉ I TCN
C. thế kỉ III	D. thế kỉ V
2. Đơn vị chính trị và kinh tế cơ bản trong thời kì chế độ phong kiến phân quyền ở châu Âu là

A. thành bang	B. làng xã
C. lãnh địa phong kiến	D. thành thị trung đại.
3. Nơi sinh sống của thợ thủ công và thương nhân châu Âu trong thời kì phong kiến là

A. thành thị trung đại	B. thành bang
C. làng xã	D. lãnh địa phong kiến.
4. Những cuộc phát kiến lớn về địa lý đã diễn ra vào khoảng

A. cuối thế kỉ XV	B. cuối thế kỉ XV đầu thế kỉ XVI
C. đầu thế kỉ XVI	D. Cuối thế kỉ XVI đầu thế kỉ XVII
5. Quan hệ sản xuất TBCN hình thành bởi sự ra đời của 2 giai cấp nào

A. Chủ nô và nô lệ	B. Lãnh chúa và nông nô
C. Tư sản và vô sản	D. Địa chủ và nông dân lĩnh canh.

Bài tập 2. Đánh dấu X vào ô trống đặt trước câu trả lời đúng):

a. *Kết quả, tác động của các cuộc phát kiến địa lý:*

- 1- tìm ra những con đường mới, vùng đất mới, tộc người mới,
- 2- Đem về cho giai cấp tư sản châu Âu những nguồn lợi khổng lồ,
- 3- chứng minh được trái đất hình tròn
- 4- góp phần thúc đẩy công, thương nghiệp châu Âu phát triển.

b. *Tại sao nhà Lý dời đô về Đại La (Thăng Long)?*

- 1- Địa hình hiểm trở thuận lợi cho việc phòng ngự,
- 2- Thế đất bằng, rộng rãi, sáng sủa,
- 3- Dân cư không khổ thấp trũng, tối tăm;
- 4- Là nơi thông thương thuận tiện với bốn phương.

Bài tập 3: Lập niên biểu các giai đoạn phát triển của lịch sử Ấn Độ:

Giai đoạn	Nội dung chính
Đầu thế kỉ IV-V	Ấn Độ thống nhất dưới vương triều Gup-ta
Thế kỉ VI- XI	Bị nước ngoài xâm lược và thống trị
Thế kỉ XII-XVI	Người Thổ Nhĩ Kỳ theo đạo Hồi xâm lược và thống trị.
Thế kỉ XVI- giữa thế kỉ XIX	Người Mông Cổ thống trị- Vương triều Ấn Độ - Mô gôn

Lập niên biểu các giai đoạn phát triển của khu vực Đông Nam Á:

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 7 - TUẦN 8

Giai đoạn	Nội dung
Từ thế kỉ I-X	Hình thành các vương quốc cổ
Từ nửa sau thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVIII	Thời kì phát triển thịnh vượng của các quốc gia phong kiến
Từ nửa sau thế kỉ XVIII đến giữa thế kỉ XIX	Bước vào thời kì suy yếu

Các em làm bài tập vào vở hôm sau sẽ kiểm tra vở và làm bài tập để lấy điểm

7. MÔN ĐỊA LÝ 7 – TUẦN 8

Bài 18 : THỰC HÀNH:

NHẬN BIẾT ĐẶC ĐIỂM MÔI TRƯỜNG ĐỚI ÔN HOÀ

Bài tập 1.

Biểu đồ	Nhiệt độ		Lượng mưa		Kết luận
	M. hè	M. đông	M. hè	M. đông	
A 55 ⁰ 45'	< 10 ⁰ C	9 tháng < 0 ⁰ C (-30 ⁰ C)	Mưa nhiều, lượng mưa nhỏ.	9 tháng có mưa dưới dạng tuyết rơi.	Khí hậu ôn đới lục địa ở vĩ độ cao cho nên lạnh.
B 36 ⁰ 43'	25 ⁰ C	10 ⁰ C (ấm áp)	Khô, không mưa.	Mưa vào thu đông.	Khí hậu Địa Trung Hải.
C 51 ⁰ 41'	< 15 ⁰ C mát mẻ	Aấm áp 5 ⁰ C	Mưa ít > 45 mm	Mưa > 250 mm.	Khí hậu ôn đới hải dương.

Bài tập 3

-Nhận xét: Lượng khí cacbonđioxit ngày càng tăng

-Nguyên nhân: Do khói bụi từ các nhà máy, phương tiện giao thông, cháy rừng...

Chương III: MÔI TRƯỜNG HOANG MẠC

HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CỦA CON NGƯỜI Ở MÔI TRƯỜNG HOANG MẠC

Bài 19 : MÔI TRƯỜNG HOANG MẠC

1. Đặc điểm của môi trường:

-Hoang mạc chiếm một diện tích khá lớn trên bề mặt trái đất, chủ yếu nằm dọc theo 2 chí tuyến

-Khí hậu ở đây hết sức khô hạn, khắc nghiệt, sự chênh lệch nhiệt độ giữa ngày và đêm rất lớn .

- Do thiếu nước nên thực vật cằn cỗi, động vật hiếm hoi

2. Sự thích nghi của thực- động vật với môi trường: Các loài thực vật và động vật trong hoang mạc thích nghi với môi trường khô hạn, khắc nghiệt bằng cách tự hạn chế sự mất nước và chất dinh dưỡng trong cơ thể.

*** Hướng dẫn về nhà:**

-Ôn tập lại tất cả các nội dung đã học

-Tuần sau ôn tập chuẩn bị kiểm tra giữa kỳ

8. MÔN CÔNG NGHỆ 7 – TUẦN 8

**CHƯƠNG II: QUY TRÌNH SẢN XUẤT VÀ BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG TRONG TRỒNG TRỌT**

Tiết 15. BÀI 15: LÀM ĐẤT VÀ BÓN PHÂN LÓT

I. Làm đất nhằm mục đích gì?

Mục đích của việc làm đất là làm cho đất tơi xốp, tăng khả năng giữ nước, giữ chất dinh dưỡng, đồng thời còn diệt được cỏ dại và mầm mống sâu bệnh, tạo điều kiện cho cây trồng sinh trưởng, phát triển tốt.

II. Các công việc làm đất:

1. Cày đất:

Là xáo trộn lớp đất mặt ở độ sâu từ 20 đến 30cm, làm cho đất tơi xốp, thoáng khí và vùi lấp cỏ dại.

2. Bừa và đập đất:

Để làm nhỏ đất, thu gom cỏ dại trong ruộng, trộn đều phân và san bằng mặt ruộng.

3. Lên luống:

- Để dễ chăm sóc, chống ngập úng và tạo tầng đất dày cho cây sinh trưởng, phát triển.
- Được tiến hành theo quy trình:
 - + Xác định hướng luống.
 - + Xác định kích thước luống.
 - + Đánh rãnh, kéo đất tạo luống.
 - + Làm phẳng mặt luống.

III. Bón phân lót:

Sử dụng phân hữu cơ và phân lân theo quy trình sau:

- + Rải phân lên mặt ruộng hay theo hàng, hốc cây.
- + Cày, bừa hay lấp đất để vùi phân bón xuống dưới

Tiết 16. BÀI 16: GIEO TRỒNG CÂY NÔNG NGHIỆP

I. Thời vụ gieo trồng:

Mỗi loại cây trồng được gieo trồng vào một khoảng thời gian đó được gọi là thời vụ.

1. Căn cứ để xác

định thời vụ gieo trồng:

Để xác định thời vụ gieo trồng cần phải dựa vào các yếu tố: khí hậu, loại cây trồng, tình hình phát sinh sâu, bệnh ở địa phương.

2. Các vụ gieo trồng:

- Có 3 vụ gieo trồng trong năm:
 - + Vụ đông xuân: tháng 11 đến tháng 4, 5 năm sau.
 - + Vụ hè thu: từ tháng 4 đến tháng 7.
 - + Vụ mùa: từ tháng 6 đến tháng 11.

II. Kiểm tra và xử lý hạt giống:

1. Mục đích kiểm tra hạt giống:

Nhằm đảm bảo hạt giống có chất lượng đủ tiêu chuẩn đem gieo.

2. Mục đích và phương pháp xử lý hạt giống:

Xử lý hạt giống bằng nhiệt độ và hóa chất làm cho hạt nảy mầm nhanh và diệt trừ sâu, bệnh hại.

III. Phương pháp gieo trồng:

1. Yêu cầu kĩ thuật:

Gieo trồng phải đảm bảo các yêu cầu về thời vụ, mật độ, khoảng cách và độ nông sâu.

2. Phương pháp gieo trồng:

- Có 2 phương pháp:

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 7 - TUẦN 8

+ Gieo trồng bằng hạt.

+ Gieo trồng bằng cây con.

a. Gieo bằng hạt:

- Thường áp dụng đối với cây trồng ngắn ngày (lúa, ngô, đỗ rau..).

- Có 3 cách gieo hạt:

+ Gieo vãi

+ Gieo theo hàng.

+ Gieo theo hốc.

b. Trồng bằng cây con:

- Thường áp dụng rộng rãi với nhiều loại cây trồng ngắn ngày và dài ngày.

- Ngoài 2 phương pháp gieo trồng trên, người ta còn tiến hành trồng bằng củ, cành, hom.

9. MÔN GD CD 7 – TUẦN 8

Bài 7: ĐOÀN KẾT, TƯƠNG TRỢ

I. Tìm hiểu truyện đọc:

“Một buổi lao động”.

II. Nội dung bài học:

1. Thế nào là đoàn kết tương trợ?

- Đoàn kết tương trợ là sự thông cảm, chia sẻ và có những việc làm cụ thể giúp đỡ nhau khi gặp khó khăn.

2. Ý nghĩa của đoàn kết tương trợ:

- Đoàn kết tương trợ giúp chúng ta dễ dàng hoà nhập với mọi người xung quanh và được mọi người yêu quý.

- Tạo nên sức mạnh giúp ta vượt qua khó khăn, thực hiện được mục đích của mình.

- Là truyền thống quý báu của dân tộc ta.

3. Rèn luyện tính đoàn kết tương trợ như thế nào

(Học sinh tự rút ra bài học)

***Bài tập**

Câu ca dao và giải thích:

“Một cây làm chẳng nên non
Ba cây chụm lại thành hòn núi cao”

Câu tục ngữ: “Đoàn kết.....”

? Hãy giải thích câu thơ sau đây Bác Hồ muốn nói lên điều gì?

? Rèn luyện tính đoàn kết tương trợ, mỗi HS cần phải làm gì?

10. MÔN TIN HỌC 7 – TUẦN 8

Bài 4: SỬ DỤNG CÁC HÀM ĐỂ TÍNH TOÁN

1) Hàm trong chương trình bảng tính

- Hàm là công thức được định nghĩa từ trước, sử dụng hàm giúp việc tính toán dễ dàng và nhanh chóng hơn.

Ví dụ: Tính tổng của ba số 3,2,10?

Cách 1: Sử dụng công thức để tính tổng: $=3+2+10$

Cách 2: Sử dụng hàm Sum để tính tổng: $=\text{Sum}(3,2,10)$

Cách 3: Nhập giá trị của các ô A1, B1, C1 lần lượt là 3; 2; 10 và sử dụng hàm Sum để tính tổng: $=\text{Sum}(A1,B1,C1)$

2) Cách sử dụng hàm

- Khi nhập hàm vào ô tính, dấu = ở đầu là kí tự bắt buộc.

Cách nhập hàm:

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 7 - TUẦN 8

B1: Chọn ô cần nhập

B2: Gõ dấu “=”

B3: Nhập hàm theo đúng cú pháp

B4: Nhấn Enter

Ví dụ:

	SUM	✖	✔	fx	=Sum(15,24,45)
	A	B	C	D	
1	=Sum(15,24,45)				
2					

3. Một số hàm trong chương trình bảng tính.

a) **Hàm tính tổng:**

Hàm tính tổng có tên là SUM.

Cú pháp: =SUM(a, b, c,)

Trong đó các biến a, b, c, được ngăn cách nhau bởi dấu phẩy, có thể là giá trị số nhập trực tiếp, địa chỉ ô hay phạm vi ô. Số lượng các biến là không giới hạn.

Ví dụ: Tổng điểm của bạn Minh Khôi:

	H6		fx	=SUM(C6:G6)				
	A	B	C	D	E	F	G	H
1	stt	Đình Vạn Hoàng An	Toán học	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Tin học	Tổng điểm
2	1	Lê Thị Hoài An	9	7	8	5	6	
3	2	Lê Thái Anh	8	8	8	8	8	
4	3	Lê Thái Anh	8	5	7	7	7	
5	4	Phạm Thị Như Chi	6	7	4	8	6	
6	5	Vũ Minh Khôi	6	8	5	6	8	33

+ Cách sử dụng nhập số trực tiếp:

=SUM(6,8,5,6,8)

+ Cách sử dụng địa chỉ ô:

=SUM(C6,D6,E6,F6,G6)

+ Cách sử dụng phạm vi ô:

=SUM(C6:G6)

Luyện tập

Câu 1: Nếu trong một ô tính có các kí hiệu #####, điều đó có nghĩa gì?

- Công thức nhập sai và Excel thông báo lỗi
- Hàng chứa ô đó có độ cao quá thấp nên không hiển thị hết chữ số
- Cột chứa ô đó có độ rộng quá hẹp nên không hiển thị hết chữ số
- Hoặc b hoặc c

Câu 2: Các cách nhập hàm nào sau đây không đúng?

- = SUM(5,A3,B1);
- =sum(5,A3,B1);
- =SUM(5,A3,B1);
- =SUM (5,A3,B1);

11. MÔN ÂM NHẠC 7 – TUẦN 8

KIỂM TRA MỘT TIẾT

A/ Đề

1. Bài Mái trường mến yêu
2. Bài Lí cây đa
- 3 TĐN số 1: Ca ngợi tổ quốc
- 4 TĐN số2: Anh trăng

B/ Hình thức kiểm tra

Gọi từng nhóm từ 3 đến 4 học sinh bốc thăm, đọc nhạc và hát lời
GV lắng nghe hs đọc bài hoặc hát sau đó nhận xét xếp loại

12. MÔN MỸ THUẬT 7 – TUẦN 8

BÀI 6: VẼ THEO MẪU - LỌ HOA VÀ QUẢ

(Tiết 1- vẽ hình)

Nội dung bài

I/ Quan sát - nhận xét

- HS quan sát nhận xét ở các góc hình khác nhau
- HS tự trình bày mẫu để vẽ
- Đặc điểm của mẫu: Cấu trúc của lọ, quả dạng hình cầu
- Độ đậm nhạt của mẫu
- Bố cục bài vẽ: Khung hình chung (cao, thấp)

II/ Cách vẽ

- Bước 1. Vẽ phác khung hình chung của hai vật mẫu
- Bước 2. Vẽ khung hình riêng của từng vật mẫu, chia tỷ lệ của các bộ phận
- Bước 3. Phác hình bằng nét thẳng
- Bước 4. Vẽ chi tiết bằng nét thẳng và nét cong

III/ Thực hành

Vẽ theo mẫu: Lọ hoa và quả

13. MÔN THỂ DỤC 7 – TUẦN 8

Bài học: **ĐỘI HÌNH ĐỘI NGŨ – CHẠY NHANH**

NỘI DUNG BÀI HỌC

1. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:

1.1. Nội dung 1: ĐHĐN :

Ôn: Đi đều- đứng lại; đổi chân khi đi đều sai nhịp hoặc một số kỹ năng học sinh thực hiện còn yếu, Biến đổi đội hình 0 – 2 – 4, biến đổi đội hình 0 – 3– 6-9.

1.2. Nội dung 2: CHẠY NHANH:

Ôn tư thế sẵn sàng – xuất phát; chạy đạp sau;

- Học xuất phát cao chạy nhanh 40m.

- Xuất phát cao - chạy nhanh

+ Chuẩn bị : Đứng thẳng, chân khỏe đứng trước, sát sau vạch xuất phát, chân sau cách chân trước 1 bàn chân. Trọng tâm dồn đều vào 2 chân .



+ Động tác : Khi có lệnh "Sẵn sàng", khuỵu 2 gối trọng tâm dồn vào chân trước

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 7 - TUẦN 8

Khi có lệnh "Chạy" bước nhanh chân sau về trước đồng thời nâng thân, 2 tay đánh tay tự nhiên, tiếp theo chân còn lại rời khỏi vạch xuất phát



2. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:

- Về nhà ôn luyện nội dung: biến đổi đội hình 0 – 2 – 4, biến đổi đội hình 0 – 3 – 6 - 9.. –
Tập luyện Kỹ thuật xuất phát cao chạy nhanh.